| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÔN ĐẢO**<br>TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br>Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST<br>Ngày: 15-9-2022<br>V/v: Ly hôn | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đoàn Thị Lan

Ông Đỗ Phi Phúc

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Hữu Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm: 1979 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

*2. Bị đơn:* Bà Lư Thị Tuyết M, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N trình bày:*

*Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Lư Thị Tuyết M tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số

31/KH/2002, quyển số 01/HT/02 ngày 10-6-2002. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu và không còn thông cảm cho nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai người không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mạnh ai nấy sống, gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay, ông N nhận thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy ông Nguyễn Tấn N yêu cầu được ly hôn với bà Lư Thị Tuyết M.

Về con chung: Ông N và bà M có 01 người con chung là Nguyễn Tấn H, sinh ngày 26-6-2003, hiện con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. *Bị đơn bà Lưu Thị Tuyết M đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng bà M không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

3. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bà M, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, do vậy xét xử vắng mặt ông N và bà M là phù hợp Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Côn Đảo nên Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà M đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Ông N và bà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/KH/2002, quyển số 01/HT/02 ngày 10-6-2002 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nay, ông N xin ly hôn với lý do quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và hai người cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho ông bà ly hôn là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Ông N và bà M có 01 người con chung là Nguyễn Tấn H, sinh ngày 26-6-2003, hiện con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không xét đến.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, ông N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà M không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Tấn N được ly hôn với bà Lưu Thị Tuyết M.

2. Về con chung: Con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Tấn N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012026 ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Ông N đã nộp đủ tiền án phí.

- Bà Lư Thị Tuyết M không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
- UBND huyện Côn Đảo;
(GCNKH số 31 ngày 10-6-2002)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Dung**